

**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 73/2012/TT-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2012

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ (sau đây gọi là Thông tư số 76/2004/TT-BTC), như sau:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 76/2004/TT-BTC, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung mục 2 và mục 4 Biểu mức thu quy định tại điểm 1 mục II Thông tư số 76/2004/TT-BTC, như sau:

“1. Mức thu:

Mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ quy định như sau:

| Stt      | Tên phí, lệ phí   | Đơn vị tính     | Mức thu (đồng) |
|----------|---|-----------------|----------------|
| <b>2</b> | <b>Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thi công (xe máy chuyên dùng)</b> |                 |                |
| a        | Cấp mới kèm theo biển số  | Lần/phương tiện | 200.000        |
| b        | Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số                            | Lần/phương tiện | 200.000        |
| c        | Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số                      | Lần/phương tiện | 50.000         |

| Stt      | Tên phí, lệ phí   | Đơn vị tính     | Mức thu (đồng) |
|----------|---|-----------------|----------------|
| d        | Cấp giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời  | Lần/phương tiện | 70.000         |
| e        | Đóng lại số khung, số máy   | Lần/phương tiện | 50.000         |
| <b>4</b> | <b>Lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện</b>        |                 |                |
| a        | Cấp mới giấy phép lái xe cơ giới  | Lần             | 30.000         |
| b        | Cấp lại giấy phép lái xe cơ giới  | Lần             | 30.000         |
| c        | Cấp giấy phép lái xe cơ giới công nghệ mới (*)<br>(bao gồm cả cấp mới và cấp lại) | Lần             | 135.000        |

(\*) Ghi chú: Cấp giấy phép lái xe công nghệ mới là giấy phép lái xe quy định tại Thông tư số 35/2010/TT-BGTVT ngày 15/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 02/2008/QĐ-BGTVT ngày 31/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt mẫu giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

2. Sửa đổi điểm 2 mục II Thông tư số 76/2004/TT-BTC quy định về Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí, như sau:

“2.1. Cơ quan quản lý nhà nước về giao thông đường bộ thực hiện các công việc nêu tại mục I Thông tư này có nhiệm vụ tổ chức thu, nộp, quản lý, sử dụng và công khai chế độ thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật (dưới đây gọi chung là cơ quan thu).

2.2. Tổ chức, cá nhân phải nộp toàn bộ số tiền phí, lệ phí theo mức thu quy định ngay khi kê khai và nộp hồ sơ đề nghị với cơ quan thực hiện các công việc thuộc danh mục các loại phí, lệ phí được quy định tại Thông tư này.

2.3. Phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ quy định tại Thông tư này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

a) Cơ quan thu được trích 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền thu về phí, lệ phí để trang trải chi phí cho việc thu phí, lệ phí (bao gồm cả chi phí thiết bị hệ thống máy chủ và lưu trữ dữ liệu quản lý giấy phép lái xe, chi phí nối mạng tại các Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trên toàn quốc và Tổng cục đường bộ Việt Nam) theo quy định. Riêng đối với khoản thu từ lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thì công được trích trên số tiền lệ phí thu được sau khi trừ tiền mua biển số theo giá quy định của Bộ Tài chính trong từng thời điểm.

b) Số tiền còn lại (35%), cơ quan thu thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2.4. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ không đề cập tại

Thông tư này được thực hiện theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

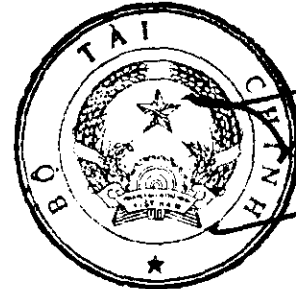
## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.
2. Các nội dung khác vẫn tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.
3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. / *hcm*

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP Ban CE TW về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Sở GTVT, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Thị Mai**